ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 99 /2026/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Văn bản số 10009/SXD-VP ngày 17 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định một số nội dung khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Điều 17, khoản 5 Điều 20 và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng dự án có quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa áp dụng cơ chế đặc thù

Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương, danh mục các loại dự án đặc thù và hạn mức vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được quy định cụ thể như sau:

1. Đường giao thông ấp (đường trục ấp, đường liên ấp; công trình cầu trục ấp, cầu liên ấp) có tổng mức đầu tư tối đa dưới 3 tỷ đồng.

2. Công trình thủy lợi nhỏ (những tuyến kênh, mương, cống do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) có tổng mức đầu tư tối đa dưới 2 tỷ đồng.

3. Phòng học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có tổng mức đầu tư tối đa dưới 5 tỷ đồng.

4. Nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao xã, ấp có tổng mức đầu tư tối đa dưới 2 tỷ đồng.

5. Trạm y tế xã có tổng mức đầu tư tối đa dưới 5 tỷ đồng.

6. Nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số có tổng mức đầu tư tối đa theo định mức hỗ trợ của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

7. Công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn ấp có tổng mức đầu tư tối đa dưới 3 tỷ đồng.

Điều 4. Tiêu chí áp dụng hồ sơ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có

Hồ sơ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có áp dụng đối với các dự án đặc thù quy định tại Điều 3 Quyết định này phải đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và các quy hoạch chuyên ngành tại địa phương.

2. Phù hợp với đặc điểm địa chất, địa hình, thủy văn; kế thừa các giải pháp kiến trúc truyền thống, phong tục tập quán của từng vùng, miền trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Bảo đảm tính đơn giản về kỹ thuật để cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ nhóm thợ tại địa phương có thể tự tổ chức thi công.

4. Tối ưu hóa chi phí, ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương và tăng cường sử dụng nhân công lao động thủ công nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương.

5. Đối với các loại công trình đã có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có đã được áp dụng và thực hiện hiệu quả trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy

ban nhân dân cấp xã được phép vận dụng để lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản sau khi có ý kiến hướng dẫn chuyên môn của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Điều 5. Quy định về hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư giao cho cộng đồng tự thực hiện

Đối với dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng được giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện thông qua Ban phát triển thôn, cơ chế quản lý vốn đầu tư ngân sách nhà nước áp dụng như sau:

1. Hình thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc thông qua hiện vật (vật tư xây dựng) kết hợp cung ứng dịch vụ kỹ thuật tùy thuộc vào điều kiện thực tế của từng dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

a) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án.

b) Đối với dự án thực hiện trên các địa bàn còn lại: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án; phần vốn còn lại đóng góp từ cộng đồng.

2. Quản lý vốn huy động ngoài ngân sách:

a) Phần vốn đóng góp của người dân và nguồn vốn huy động hợp pháp khác bằng tiền được Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, quản lý và sử dụng chi trả trực tiếp cho dự án.

b) Phần đóng góp bằng hiện vật hoặc ngày công lao động phải được quy đổi thành tiền căn cứ vào khối lượng đóng góp thực tế và đơn giá nhân công tại thời điểm lập hồ sơ; giá trị quy đổi được tính vào tổng giá trị công trình để quản lý tỷ lệ đóng góp, không hạch toán vào thu chi ngân sách nhà nước.

3. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tạm ứng vốn cho Ban phát triển thôn (Nhà thầu thi công) ngay sau khi ký kết Biên bản giao việc hoặc Hợp đồng xây dựng; mức tạm ứng lần đầu không quá 50% tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho dự án.

b) Công tác thanh toán, giải ngân và quyết toán vốn hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm ngân sách giữa Phòng chuyên môn cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và đại diện Ban phát triển thôn.

Điều 6. Xác định đơn giá xây dựng trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản

1. Đối với các hạng mục công việc sử dụng lao động thủ công và vật liệu xây dựng tại chỗ (đất, cát, đá, vật liệu sẵn có tại địa phương), đơn giá trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản được xác định trên cơ sở giá thị trường tại địa bàn thực hiện dự án.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo bộ phận chuyên môn chủ trì, phối hợp với Ban phát triển thôn chịu trách nhiệm khảo sát, xác định giá thị trường thực tế đối với hạng mục sử dụng lao động và vật liệu tại chỗ để áp dụng vào hồ sơ xây dựng công trình.

Điều 7. Áp dụng quy trình bảo trì mẫu công trình đặc thù

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo trì và tổ chức quản lý vận hành, bảo trì công trình xây dựng đặc thù theo đúng nội dung hướng dẫn tại Quy trình bảo trì mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Kinh phí thực hiện công tác bảo trì công trình được bố trí từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách cấp xã, nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn đóng góp hợp pháp khác từ cộng đồng hưởng lợi.

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn, theo dõi kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Các sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra các địa phương áp dụng các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình; công tác thi công, nghiệm thu công trình đối với các loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo đúng quy định.

3. Sở Tài chính hướng dẫn các địa phương thực hiện việc quản lý, thanh toán, quyết toán công trình theo cơ chế đặc thù; tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình sử dụng nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia của các cơ quan, đơn vị.

4. Các cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình (Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Công an tỉnh, Sở Văn hóa và Thể thao) tổ chức quản lý, hướng dẫn các địa phương thực hiện cơ chế đặc thù theo đúng quy định; định kỳ hằng quý tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế đặc thù của Chương trình được phân công quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước được giao trong việc thực hiện Quyết định này; có trách nhiệm trong việc lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình.

b) Xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm trên địa bàn xã theo mục tiêu, nhiệm vụ và các quy định hiện hành; chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ, hiệu quả của dự án, chính sách thuộc Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn quản lý, xây dựng kế hoạch bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

c) Chịu trách nhiệm về việc xác định đối tượng thụ hưởng các chính sách, dự án thuộc Kế hoạch được triển khai trên địa bàn; thông báo công khai, minh bạch về đối tượng thụ hưởng, mức vốn kế hoạch, quyết toán kinh phí từng năm và cả giai đoạn của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Tổ chức huy động, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định. Quản lý, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả công trình trên địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

đ) Tuyên truyền, vận động sự tham gia cộng đồng dân cư trong quá trình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch; đồng thời phát huy vai trò giám sát của cộng đồng đối với Kế hoạch thực hiện từng chương trình.

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (hằng năm, giữa kỳ, kết thúc chương trình) hoặc đột xuất cho cấp có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 9 năm 2026 và thay thế Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND quy định việc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025./.

Nơi nhận:
- Như Điều 9;
- Hội đồng Dân tộc - Quốc hội;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội trực thuộc;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, vdcau.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước